

Số: 14 /2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện
an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Công văn số 8127/BYT-ATTP ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế về việc chấp thuận kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trong thời gian chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể của các Bộ - ngành liên quan;

Xét đề nghị của Sở Y tế Thành phố tại Tờ trình số 738/TTr-SYT ngày 18 tháng 02 năm 2014; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 351/STP-VB ngày 20 tháng 01 năm 2014 và Công văn số 1302/STP-VB ngày 18 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống” và Phụ lục - các mẫu văn bản có liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Sở Công Thương; Sở Tư pháp;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm TP;
- VPUB: Các PVP;
- Phòng VX, CNN, THKH, TTCB;
- Lưu:VT, (VX-P) H. 55

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hứa Ngọc Thuận

Hứa Ngọc Thuận

QUY ĐỊNH

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2014/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cấp và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bao gồm cả cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có kinh doanh thức ăn đường phố (sau đây gọi tắt là cơ sở).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống là cơ sở tổ chức chế biến, cung cấp thức ăn, đồ uống để ăn ngay có địa điểm cố định bao gồm cơ sở chế biến suất ăn sẵn; căn tin kinh doanh ăn uống; bếp ăn tập thể; bếp ăn, nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng; nhà hàng ăn uống; cửa hàng ăn uống; cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín.

2. Kinh doanh thức ăn đường phố là loại hình kinh doanh thực phẩm, thức ăn, đồ uống để ăn ngay, uống ngay được bán rong trên đường phố hay bày bán tại những địa điểm công cộng (bến xe, bến tàu, nhà ga, khu du lịch, khu lễ hội) hoặc ở những nơi tương tự.

Điều 3. Các cơ sở thuộc đối tượng không phải cấp Giấy chứng nhận

1. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống chỉ phục vụ cho lễ hội.
2. Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố.

Chương II HỒ SƠ, THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận được lập thành 01 bộ gồm các giấy tờ sau:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Mẫu 1).

2. Bản sao (có xác nhận của cơ sở) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có).

3. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở), bao gồm:

a) Bản vẽ sơ đồ thiết kế mặt bằng của cơ sở và khu vực xung quanh;

b) Sơ đồ quy trình chế biến, bảo quản thức ăn và bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ của cơ sở.

4. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm:

a) Đối với cơ sở dưới 30 người: Nộp bản sao giấy xác nhận (có xác nhận của cơ sở);

b) Đối với cơ sở từ 30 người trở lên: Nộp danh sách đã được tập huấn (có xác nhận của cơ sở).

5. Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm; phiếu báo kết quả cấy phân âm tính mầm bệnh gây bệnh đường ruột (tả, lỵ, trực khuẩn và thương hàn) của người trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm đối với những vùng có dịch bệnh tiêu chảy đang lưu hành theo công bố của Bộ Y tế:

a) Đối với cơ sở dưới 30 người: Nộp bản sao giấy xác nhận (có xác nhận của cơ sở);

b) Đối với cơ sở từ 30 người trở lên: Nộp danh sách kết quả khám sức khỏe, xét nghiệm phân của chủ cơ sở và của người tham gia trực tiếp chế biến, kinh doanh thực phẩm (có xác nhận của cơ sở).

Điều 5. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm thẩm xét hồ sơ, thẩm định cơ sở và cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở có đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận như sau:

1. Thẩm xét hồ sơ:

a) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thẩm xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không hợp lệ;

b) Nếu quá 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hồ sơ không hợp lệ nếu cơ sở không có phản hồi hay bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sẽ hủy hồ sơ.

2. Thẩm định cơ sở:

a) Sau khi có kết quả thẩm xét hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định cơ sở trong vòng 10 ngày làm việc. Trường hợp ủy quyền thẩm định cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải có văn bản ủy quyền;

b) Đoàn thẩm định cơ sở:

- Đoàn thẩm định cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ra quyết định thành lập;
- Đoàn thẩm định điều kiện cơ sở gồm từ 3 đến 5 người trong đó phải có ít nhất 2/3 số thành viên là cán bộ làm công tác chuyên môn về an toàn thực phẩm;
- Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định cơ sở.

c) Nội dung thẩm định cơ sở:

Đối chiếu thông tin và thẩm định tính pháp lý của hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở theo quy định; thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định và ghi vào mẫu biên bản ban hành kèm theo Quy định này (Mẫu 3).

3. Cấp giấy chứng nhận:

a) Trường hợp cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo mẫu ban hành kèm theo Quy định này (Mẫu 4);

b) Trường hợp cơ sở chưa đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phải chờ hoàn thiện phải ghi rõ nội dung và thời gian hoàn thiện nhưng không quá 60 ngày. Đoàn thẩm định tổ chức thẩm định lại khi cơ sở có văn bản xác nhận đã hoàn thiện đầy đủ các yêu cầu về điều kiện an toàn thực phẩm của đoàn thẩm định lần trước;

c) Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu về điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận. Cơ sở phải nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

Điều 6. Cấp đổi Giấy chứng nhận

1. Cấp đổi Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:

- a) Giấy chứng nhận chỉ được đổi khi còn thời hạn;
- b) Khi thay đổi tên của doanh nghiệp hoặc/và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và toàn bộ quy trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

2. Hồ sơ đề nghị đổi (01 bộ) gồm những giấy tờ có xác nhận của cơ sở như sau:

- a) Đơn đề nghị đổi/ cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Mẫu 2);
- b) Biên bản thẩm định gần nhất (Bản sao có xác nhận của cơ sở);
- c) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản gốc);
- d) Văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi tại Điểm b, Khoản 1 của Điều này (Bản sao công chứng);
- đ) Giấy xác nhận đủ sức khỏe, tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở mới đổi với trường hợp thay đổi tên chủ cơ sở (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

3. Trong thời gian 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cấp đổi Giấy chứng nhận cho cơ sở; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở lý do không cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 7. Thu hồi Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận sẽ bị thu hồi trong những trường hợp sau:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không hoạt động ngành nghề kinh doanh thực phẩm đã đăng ký;

b) Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ sở cũ;

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

2. Thẩm quyền thu hồi:

a) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp trên có quyền thu hồi Giấy chứng nhận do cơ quan cấp dưới cấp.

Điều 8. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận

1. Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố cấp giấy chứng nhận cho:

a) Dịch vụ ăn uống do cơ quan chức năng Trung ương và Thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Dịch vụ ăn uống do cơ quan chức năng quận - huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng có quy mô cung cấp từ 300 suất ăn/ngày trở lên;

c) Cơ sở cung cấp suất ăn sẵn;

d) Dịch vụ ăn uống trong các bệnh viện, khu chế xuất và khu công nghiệp;

e) Bếp ăn tập thể, căn tin trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

2. Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc cơ quan chức năng được ủy quyền cấp Giấy chứng nhận cho:

a) Dịch vụ ăn uống có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do quận - huyện cấp hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có quy mô cung cấp từ 100 đến dưới 300 suất/ngày;

b) Bếp ăn tập thể trong các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;

c) Dịch vụ nấu thuê đám tiệc di động.

3. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn cấp giấy chứng nhận cho dịch vụ ăn uống có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có công suất cung cấp dưới 100 suất ăn/ngày.

Điều 9. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

1. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có hiệu lực trong thời gian 03 năm.

2. Trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hết hạn, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại được thực hiện theo quy định tại Điều 4, 5 của Quy định này.

Điều 10. Kiểm tra sau cấp Giấy chứng nhận

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện kiểm tra sau cấp Giấy chứng nhận:

1. Kiểm tra định kỳ:

a) Không quá 02 (hai) lần/năm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm cấp Giấy chứng nhận;

b) Không quá 03 (ba) lần/năm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Ủy ban nhân dân quận - huyện cấp Giấy chứng nhận;

c) Không quá 04 (bốn) lần/năm đối với đối tượng kinh doanh thức ăn đường phố do Ủy ban nhân dân xã - phường, thị trấn quản lý hoặc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Kiểm tra đột xuất:

Cơ quan nhà nước tiến hành kiểm tra đột xuất nếu xảy ra vi phạm về an toàn thực phẩm, sự cố an toàn thực phẩm liên quan, các đợt kiểm tra cao điểm theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở Y tế Thành phố, Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn quản lý./.

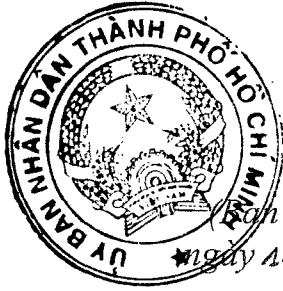
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

KT. CHỦ TỊCH



Hứa Ngọc Thuận



Phụ lục
CÁC MẪU VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2014/QĐ-UBND
ngày 44 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. Mẫu 1: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
2. Mẫu 2: Đơn đề nghị cấp lại/ đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
3. Mẫu 3: Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.
4. Mẫu 4: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
(Dùng cho cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố)

Kính gửi:

Họ và tên chủ cơ sở:.....

Tên cơ sở:

Địa chỉ trụ sở (theo đăng ký kinh doanh):

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ cấp Giấy chứng nhận sản xuất/kinh doanh (1):

Doanh thu dự kiến (triệu đồng/tháng):

Số lượng công nhân viên:(trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho sản xuất /kinh doanh:

Chúng tôi cam kết duy trì cơ sở bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm như khi được cấp Giấy chứng nhận và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

CHỦ CƠ SỞ

(ký tên & ghi rõ họ tên)

(1) Nếu trùng với địa chỉ đăng ký kinh doanh thì ghi "tại trụ sở"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI/CẤP LẠI
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi:
(Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm)

Cơ sở.....đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số....., ngày..... tháng.....năm..... của

Hồ sơ đề nghị đổi/cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm:

1. Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2.

3.

4.

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở trong quá trình sản xuất, kinh doanh của mình và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ ĂN UỐNG

Thực hiện Quyết định số, ngày tháng năm
của

Hôm nay, ngày tháng năm, Đoàn thẩm định gồm có:

1. Trưởng đoàn
2. Thư ký
3. Thành viên
4. Thành viên
5. Thành viên

Tiến hành thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đại diện cơ sở:

1.
2.
3.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

I. Đối chiếu với hồ sơ gốc:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ hoặc tương đương:
2. Giấy xác nhận sức khỏe: Số lượng đăng ký: Số lượng thực tế:
3. Xét nghiệm phân (nếu thuộc đối tượng phải XN):
4. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức ATTP: Số đăng ký: Số thực tế:

II. Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm:

1. Tổng diện tích mặt bằng cơ sở:.....
2. Diện tích khu vực kinh doanh dịch vụ ăn uống:.....
3. Địa điểm, môi trường:.....
.....
4. Thiết kế, bố trí cơ sở:
 - a. Phù hợp với Quy mô kinh doanh:.....
 - b. Nguyên tắc một chiều:.....
 - c. Cách biệt giữa các khu vực/nơi:.....
 - d. Kho/ khu vực lưu giữ nguyên liệu:.....
.....
 - đ. Khu vực/ nơi sơ chế:.....
.....
 - e. Khu vực/ nơi nấu ăn:.....
.....
 - g. Khu vực/ nơi kinh doanh, ăn uống.....
.....
 - h. Khu vực/ nơi rửa tay:.....
 - i. Khu vực/ nơi thay bảo hộ lao động:.....
 - k. Nhà vệ sinh.....
 - l. Khu vực/ nơi thu gom, xử lý chất thải.....
 - m. Công rãnh thoát nước:.....
.....
5. Kết cấu cơ sở:
 - a. Độ vững chắc:.....
 - b. Vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm:.....
 - c. Trần, tường, nền nhà:.....
6. Hệ thống thông gió (nếu có):.....
7. Hệ thống chiếu sáng (nếu có):.....
8. Hệ thống xử lý chất thải, rác thải (nếu có):.....

9. Nguồn nước sạch:

a. Nước dùng để chế biến thực phẩm:

b. Nước đã sử dụng trong ăn uống/bảo quản thực phẩm:

c. Nước vệ sinh cơ sở, trang thiết bị dụng cụ:

10. Nhà vệ sinh, khu vực thay đồ bảo hộ lao động:

a. Số lượng:

b. Nước, xà phòng, chất sát trùng:

11. Nguồn gốc nguyên liệu/ phụ gia thực phẩm:

12. Sổ sách, ghi chép kiểm thực ba bước (nếu có):

13. Phương tiện rửa và khử trùng tay:

14. Trang thiết bị, dụng cụ:

a. Thiết bị, dụng cụ bảo quản nguyên liệu:

b. Dụng cụ chế biến thức ăn sống/ chín:

c. Dụng cụ ăn uống:

d. Dụng cụ chứa đựng/ bày bán thức ăn:

đ. Trang thiết bị vận chuyển thức ăn:

e. Thiết bị bảo quản thực phẩm:

g. Bao bì chứa đựng thức ăn:

h. Dụng cụ, thiết bị vệ sinh cơ sở:

i. Dụng cụ lưu, bảo quản mẫu, sổ ghi chép (với cơ sở có yêu cầu):

15. Phòng chống côn trùng và động vật gây hại:

16. Điều kiện đối với người kinh doanh dịch vụ ăn uống:

a. Găng tay/ trang phục bảo hộ:

b. Vệ sinh cá nhân (bàn tay, móng tay):

c. Tình trạng sức khỏe thực tế:

III. Đánh giá và kết luận:

1. Đánh giá:

a. Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất:

.....
.....

b. Điều kiện trang thiết bị dụng cụ:

.....
.....

c. Điều kiện con người:

.....
.....

2. Kết luận:

.....

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Thời gian hoàn thiện ngày kể từ ngày thẩm định.

Nếu quá thời hạn này, cơ quan thẩm định không nhận được báo cáo hoàn thiện của cơ sở thì cơ sở được coi là không đạt và phải thực hiện lại quy trình đề nghị thẩm định như ban đầu.

Biên bản kết thúc lúc: giờ phút ngày tháng năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Một bản do cơ quan thẩm định giữ và một bản do chủ cơ sở giữ.

Đại diện cơ sở
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN)

CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở:

.....

Chủ cơ sở:

.....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại: Fax:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

.....

.....

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Số cấp:/20...../ATTP-CNDK

Có hiệu lực đến

ngày tháng năm